

Bản án số: 211/2021/HCPT

Ngày: 20-4-2021

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán: Ông: Nguyễn Đức Minh

Ông: Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà: Hoàng Thị Kim Nhi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông: Vũ Thanh Sơn- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 614/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 353/2021/QĐPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Ông: Hà Nguyễn Thiên K, sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: Số 6/21 đường N, phường 9, thành phố Đ, Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Kim: Ông Lê Cao T sinh năm: 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Số 135 đường N, phường 2, thành phố Đ, Lâm Đồng.

- Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng

Trụ sở: Số 02 đường T, phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thiện S, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc Tr, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 2905/UBND lập ngày 03-6-2020). Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Diệu Th sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 6/21 đường N, phường 9, thành phố Đ, Lâm Đồng.

Địa chỉ: Số 135 đường N, phường 2, thành phố Đ, Lâm Đồng.

Người kháng cáo: người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện ông Hà Nguyễn Thiên K và người đại diện theo ủy quyền của ông K là ông Lê Cao T trình bày:*

Căn nhà và đất tại 01 phần thửa 59, bản đồ số 22 (nay là thửa 47, tờ bản đồ P02 của Ban quản lý dự án), diện tích 237m² là của gia đình ông K. Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án khu dân cư- tái định cư P, Phường 10, thành phố Đ.

Theo xác định của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng (tại họa đồ thu hồi đất lập kèm theo Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 22-12-2010) thì phần nhà đất của gia đình ông bị thu hồi chia thành hai phần gồm: đất ở và đất sản xuất nông nghiệp, trong đó đất ở 161m², đất nông nghiệp 76m².

Do không đồng ý với việc chia đất thu hồi thành 02 phần như trên nên ông K đã khiếu nại. Tại văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đ về việc trả lời đơn đã không chấp nhận yêu cầu được bố trí thêm 01 lô liên kế khi nhà nước thu hồi đất của ông Hà Nguyễn Thiên K. Không đồng ý với văn bản trả lời nêu trên ông K tiếp tục khiếu nại và Chủ tịch UBND thành phố Đ giải quyết tại Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Hà Nguyễn Thiên K.

Do đó, ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đ và hủy Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Nguyễn Thiên K; ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Chủ tịch UBND thành phố Đông Võ Ngọc Tr trình bày:*

- Về nguồn gốc nhà, đất của ông Hà Nguyễn Thiên K: Theo Biên bản V/v Xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và thời điểm xây dựng nhà của hộ ông Hà Nguyễn Thiên K có nhà, đất thu hồi nằm trong khu quy hoạch dân cư- tái định cư đường P, Phường 10, thành phố Đ của UBND Phường 10 lập ngày 26-10-2010, xác nhận: “Đất do bà Bùi Thị N (thực tế là Nguyễn Thị N) khai phá trước năm 1960; đến ngày 20-3-2000 bà N cho con gái là Nguyễn Thị Diệu T (vợ ông Hà Nguyễn Thiên K). Năm 2001 bà T làm nhà ở và sử dụng cho đến nay. Tổng diện tích thu hồi: 237m², trong đó đất ở: 161m²; đất nông nghiệp: 76m²”.

Dự án khu dân cư- tái định cư đường P, Phường 10, thành phố Đà Lạt đã được UBND tỉnh Lâm Đồng thu hồi theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 20-11-2009 về việc “Thu hồi đất và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng quản lý để tổ chức việc bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu dân cư- tái định cư P, thành phố Đà Lạt”.

Ngày 22-12-2010, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 4863/QĐ-UBND về việc “Thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt bằng Khu dân cư- tái định cư P”; trong đó, thu hồi 237m² đất ở và đất nông nghiệp của hộ ông Hà Nguyễn Thiên K thường trú tại M3/1 Cư xá H, Phường 10, thành phố Đà Lạt tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số P02 do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng thiết lập để tổ chức việc bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu dân cư- tái định cư P, Phường 10, thành phố Đà Lạt.

Ngày 11-02-2010, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 396/QĐ-UBND về việc “*Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 1) Dự án: Khu dân cư- tái định cư P; địa bàn Phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng*”; trong đó, hộ ông Hà Nguyễn Thiên K được phê duyệt với tổng số tiền là: 174.621.000 đồng; bao gồm tiền bồi thường 80% đơn giá đối với vật kiến trúc; tiền bồi thường cây trồng và tiền hỗ trợ di chuyển chỗ ở, hỗ trợ tiền thuê nhà; chưa được tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất.

Ngày 13-8-2010, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND về việc “*Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ nằm trong phạm vi thu hồi đất đợt 1; Dự án Khu dân cư- tái định cư P; địa bàn Phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng*”; trong đó, hộ ông Hà Nguyễn Thiên K được phê duyệt với tổng số tiền là: 51.227.000 đồng; bao gồm tiền bổ sung tăng 7% giá trị nhà do có xử lý nền móng; tiền bổ sung vật kiến trúc do kiểm định thiếu và tiền bổ sung do thay đổi cấp hạng nhà.

Ngày 09-02-2011, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 335/QĐ-UBND về việc “*Phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ (lần 3) cho các hộ dân nằm trong phạm vi thu hồi đất đợt 1; Dự án Khu dân cư- tái định cư P; địa bàn Phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng*”; trong đó, hộ ông Hà Nguyễn Thiên K được phê duyệt bổ sung với tổng số tiền là 181.609.000 đồng; bao gồm tiền bồi thường 50% đơn giá đất ở đối với 161m² đất có nhà ở và 76m² đất nông nghiệp; tiền bồi thường bổ sung 20% đơn giá đối với vật kiến trúc.

Ngày 08-6-2011, UBND thành phố Đà Lạt ban hành Quyết định số 1430/QĐ-UBND về việc “*Phê duyệt điều chỉnh tái định cư do thu hồi nhà, đất để triển khai dự án Khu quy hoạch dân cư - tái định cư P trên địa bàn phường 10, thành phố Đ*”; trong đó, hộ ông Hà Nguyễn Thiên K được phê duyệt tái định cư 01 lô liên kế.

- Về quá trình giải quyết đơn kiến nghị, khiếu nại: Không đồng ý với việc được giải quyết bố trí tái định cư 01 lô liên kế, ông Hà Nguyễn Thiên K làm đơn kiến nghị yêu cầu được bố trí thêm 01 lô liên kế, ngoài lô liên kế đã được bố trí. Đơn kiến nghị của ông Hà Nguyễn Thiên K đã được UBND thành phố Đà Lạt giải quyết tại văn bản số 3406/UBND ngày 07-6-2018 và Văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 với nội dung: “*Việc ông, bà Hà Nguyễn Thiên K kiến nghị yêu cầu được bố trí thêm 01 lô đất liên kế khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư- tái định cư P, Phường 10, thành phố Đ là không có cơ sở giải quyết*”.

Không đồng ý với Văn bản giải quyết của UBND thành phố Đ nêu trên, ông Hà Nguyễn Thiên K tiếp tục khiếu nại yêu cầu được bồi thường 237m² đất thu hồi theo đơn giá đất ở và giải quyết bố trí tái định cư đủ 237m² ở tương ứng với 237m² đất thu hồi tại dự án Khu dân cư- tái định cư đường P, Phường 10, thành phố Đ.

Ngày 05-3-2020, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 878/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Nguyễn Thiên K (lần đầu) với nội dung: *Không chấp nhận đơn của ông Hà Nguyễn Thiên K khiếu nại không đồng ý với Văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đ; yêu cầu được bồi thường 237m² đất thu hồi theo đơn giá đất ở và giải quyết bố*

trí tái định cư đủ 237m² ở tương ứng với 237m² đất thu hồi tại dự án Khu dân cư tái định cư đường P, Phường 10, thành phố Đ.

Do đó, việc ông Hà Nguyễn Thiên K khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đ và Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Nguyễn Thiên K là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Nguyễn Thiên K.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu T là ông Lê Cao T trình bày:* Thông nhất với ý kiến của ông Hà Nguyễn Thiên K. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; không tổ chức đối thoại được.

****Tại bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:***

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Nguyễn Thiên K về yêu cầu hủy văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đ và hủy Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Nguyễn Thiên K.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/9/2020 và 03/9/2020 ông Hà Nguyễn Thiên K, bà Nguyễn Thị Diệu T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và bà T với lý do: Việc thu hồi phần nhà đất của ông K theo Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân huyện thành phố Đ theo xác định của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng chia thành 02 phần gồm đất ở 161m² và đất nông nghiệp 76 m² trong khi toàn bộ diện tích này gia đình ông chỉ làm đất ở là tùy tiện, không căn cứ vào quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi gia đình ông. Ông đã yêu cầu được bồi thường toàn bộ diện tích bị thu hồi theo đơn giá đất ở và bố trí 02 nền tái định cư nhưng UBND thành phố Đ đã có văn bản 4406/UBND ngày 14/8/2019 trả lời đơn không chấp nhận bố trí thêm 01 nền tái định cư nữa, ông khiếu nại văn bản này nhưng Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định 878/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 với nội dung không chấp nhận khiếu nại. Án sơ thẩm đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông đối với các quyết định hành chính nêu trên là không khách quan, vô tư.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới sơ với giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong tất cả các lần tòa án cấp phúc thẩm triệu tập và không nêu ý kiến về kháng cáo của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ cho ông K đề nghị chấp nhận kháng cáo và sửa án sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ bồi thường thêm cho ông

K 01 nền tái định cư. Trường hợp không chấp nhận thì đề nghị giải quyết bồi thường diện tích 76m² đất bị thu hồi theo đơn giá đất ở. Trong quá trình giải quyết chính sách cho các hộ khác bị thu hồi đất trong cùng dự án họ đã được công nhận bồi thường theo giá đất ở với các trường hợp đã xây công trình trên đất hoặc bố trí thêm nền tái định cư nhưng ông K không được giải quyết là chưa công bằng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ kiện: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 878/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về giải quyết khiếu nại của ông Hà Nguyễn Thiên K và văn bản 4406/UBND ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ tái định cư là hợp pháp, có căn cứ. Ông Kim khởi kiện cho rằng các quyết định nêu trên là trái pháp luật do vợ chồng ông đã sử dụng đất từ lâu và đất thuộc loại đất ở nên phải được bồi thường toàn bộ theo đơn giá đất ở và xét cấp 02 nền tái định cư nhưng kết quả xác minh hiện trạng đất là chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích xây dựng nhà ở và công trình trên đất chỉ có 161 m² trong tổng diện tích 237 m² mà người bị thu hồi đang thực tế sử dụng nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Án sơ thẩm đã xác định loại kiện và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đã được tiến hành đúng quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Ủy ban nhân dân thành phố Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không gửi bản luận cứ; căn cứ Điều 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Xét đơn khởi kiện của ông K cho rằng văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đ và Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Nguyễn Thiên K làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên ngày 27-4-2020, ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định trên. Do vậy,

xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ và văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đ là quyết định có liên quan. Án sơ thẩm xác định đây là loại kiện “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*” là đúng; việc khởi kiện trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 116, Điều 30, Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

Để xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính bị khởi kiện, trước hết cần xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của quyết định hành chính có liên quan.

[2.1] Xét trình tự thủ tục của văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đ thì do ông K có yêu cầu được cấp thêm 01 nền tái định cư và bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi theo giá đất ở theo dự án nêu trên nên UBND thành phố Đ đã có văn bản trả lời là đúng thẩm quyền và thời gian giải quyết. Về nội dung của văn bản đã căn cứ vào các quyết định phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư và Quyết định số 4836/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của UBND thành phố Đ. Ông K không khiếu nại gì về Quyết định 4836. Xét công văn 4406 từ chối cấp thêm 01 nền tái định cư cho ông K đã căn cứ vào Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, phù hợp với quy định của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành luật đất đai 2003, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cũng như quy định của Luật đất đai 2003 tại thời điểm có quyết định thu hồi đất. Đến thời điểm triển khai việc bồi thường cũng chưa có thay đổi về chính sách liên quan đến lĩnh vực này trên cả nước và trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Như vậy, UBND thành phố Đ giải quyết kiến nghị của ông K tại văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 với nội dung: “*Việc ông, bà Hà Nguyễn Thiên K kiến nghị yêu cầu được bố trí thêm 01 lô đất liên kế khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư- tái định cư P, Phường 10, thành phố Đ là không có cơ sở giải quyết*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện thấy rằng:

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ do có khiếu nại của ông K đối với văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đ về chủ trương bồi thường, hỗ trợ tái định cư nên Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành quyết định sau khi kiểm tra, xác minh các thông tin có liên quan là đúng quy định tại Điều 24 Luật tổ chức chính quyền địa phương, Điều 18, Điều 27, Điều 28 và Điều 31 của Luật khiếu nại.

Về nội dung, như đã phân tích trên, xuất phát từ việc ông Hà Nguyễn Thiên K không đồng ý với việc được giải quyết bố trí tái định cư 01 lô liên kế nên đã làm đơn kiến nghị yêu cầu được bố trí thêm 01 lô liên kế ngoài lô liên kế đã được bố trí và không đồng ý với Văn bản giải quyết của UBND thành phố Đ, ông K tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số 878/QĐ-

UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Nguyễn Thiên K (lần đầu) với nội dung không chấp nhận đơn của ông Hà Nguyễn Thiên K với các lý do sau:

Dự án Khu dân cư- tái định cư đường Phạm Hồng T, Phường 10, thành phố Đ đã được UBND tỉnh Lâm Đồng thu hồi theo Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 20-11-2009 về việc “*Thu hồi đất và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng quản lý để tổ chức việc bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu dân cư, tái định cư Phạm Hồng T, thành phố Đ*”.

Ngày 11-02-2010, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 396/QĐ-UBND về việc “*Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 1) Dự án: Khu dân cư- tái định cư Phạm Hồng T; địa bàn Phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng*”; trong đó, hộ ông Hà Nguyễn Thiên K được phê duyệt với tổng số tiền là: 174.621.000 đồng; bao gồm tiền bồi thường 80% đơn giá đối với vật kiến trúc, tiền bồi thường cây trồng và tiền hỗ trợ di chuyển chỗ ở, hỗ trợ tiền thuê nhà. Chưa được tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất.

Ngày 13-8-2010, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 1864/QĐ-UBND về việc “*Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ nằm trong phạm vi thu hồi đất đợt 1; Dự án Khu dân cư- tái định cư Phạm H; địa bàn Phường 10, thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng*”; trong đó, hộ ông Hà Nguyễn Thiên K được phê duyệt với tổng số tiền là: 51.227.000 đồng; bao gồm tiền bổ sung tăng 7% giá trị nhà do có xử lý nền móng, tiền bổ sung vật kiến trúc do kiểm định thiếu và tiền bổ sung do thay đổi cấp hạng nhà.

Theo Biên bản V/v Xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và thời điểm xây dựng nhà của hộ ông, bà Hà Nguyễn Thiên K có nhà, đất thu hồi nằm trong Khu quy hoạch dân cư- tái định cư đường Phạm Hồng T, Phường 10, thành phố Đ của UBND Phường 10 lập ngày 26-10-2010, xác nhận: “*Đất do bà Bùi Thị N (thực tế là Nguyễn Thị N) khai phá trước năm 1960; đến ngày 20-3-2000 bà N cho con gái là Nguyễn Thị Diệu T (vợ ông Hà Nguyễn Thiên K). Năm 2001 bà T làm nhà ở và sử dụng cho đến nay. Tổng diện tích thu hồi: 237m², trong đó đất ở: 161m²; đất nông nghiệp: 76m².*”

Ngày 22-12-2010, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 4863/QĐ-UBND về việc “*Thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt bằng Khu dân cư- tái định cư P*”; trong đó, thu hồi 237m² đất ở và đất nông nghiệp của hộ ông Hà Nguyễn Thiên K thường trú tại M3/1 Cư xá H, Phường 10, thành phố Đ tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số P02 do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng thiết lập để tổ chức việc bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu dân cư- tái định cư P, Phường 10, thành phố Đà Lạt.

Ngày 09-02-2011, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 335/QĐ-UBND về việc “*Phê duyệt bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ (lần 3) cho các hộ dân nằm trong phạm vi thu hồi đất đợt 1; Dự án Khu dân cư- tái định cư Phạm Hồng Thái; địa bàn Phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng*”; trong đó, hộ ông Hà Nguyễn Thiên K được phê duyệt bổ sung với tổng số tiền là 181.609.000 đồng; bao gồm tiền bồi thường 50% đơn giá đất ở đối với 161m² đất có nhà ở và 76m² đất nông nghiệp, tiền bồi thường bổ sung 20% đơn giá đối với vật kiến trúc.

Ngày 08-6-2011, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 1430/QĐ-UBND về việc “*Phê duyệt điều chỉnh tái định cư do thu hồi nhà, đất để triển khai dự án Khu quy hoạch dân cư- tái định cư Phạm Hồng T trên địa bàn Phường 10, thành phố Đ*”; trong đó, hộ ông Hà Nguyễn Thiên K được phê duyệt tái định cư 01 lô liên kế.

Căn cứ Điểm a, Khoản 10 và Điểm a, Khoản 11, Điều 7 Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quy định:

Người bị thu hồi đất, có một trong các điều kiện sau đây thì được bồi thường:

“10. Đối với diện tích đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 mà không có Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

a) Trường hợp thu hồi đối với đất sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại Giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định này và được UBND cấp xã xác nhận đất đó không tranh chấp (theo quy định tại Điều 8 Quy định này) thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau:

- Trường hợp thửa đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 7 Điều 6 Quy định này thì người đang sử dụng thửa đất đó được bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích đất thực tế bị thu hồi sử dụng vào mục đích để ở (theo quy định của Luật Đất đai 2003), nhưng tối đa không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành; phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở và phần diện tích đất vườn, ao trên cùng thửa đất có nhà ở (ngoài thực địa) nhưng không được công nhận là đất ở (nếu có) thì được bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Quy định này.

11. Đối với diện tích đất sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 trở về sau mà không có Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

a) Trường hợp thu hồi đối với đất đã sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc một trong các loại Giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định này và được UBND cấp xã xác nhận đất đó không tranh chấp (theo quy định tại Điều 8 Quy định này) thì việc bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện theo quy định sau:

- Trường hợp thửa đất đang sử dụng là đất có nhà ở và không thuộc một trong các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 7 Điều 6 của Quy định này thì người đang sử dụng thửa đất đó được bồi thường bằng 50% tính theo giá đất ở đối với diện tích đất thực tế bị thu hồi sử dụng vào mục đích để ở (theo quy định của Luật Đất đai 2003), nhưng tối đa không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định hiện hành; phần diện tích đất ở vượt hạn mức giao đất ở và phần diện tích đất vườn, ao trên cùng thửa đất có nhà ở (ngoài thực địa) nhưng không được công nhận là đất ở (nếu có) thì được tính bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Quy định này”.

Căn cứ theo quy định nêu trên thì trường hợp ông Hà Nguyễn Thiên K bị thu hồi 237m² đất, bao gồm: 161m² đất ở và 76m² đất nông nghiệp có nguồn gốc do bà Bùi Thị N khai phá trước năm 1960, đến ngày 20-3-2000 bà N cho con gái là Nguyễn Thị Diệu T (vợ ông Hà Nguyễn Thiên K). Năm 2001 bà Thuần làm nhà ở và sử dụng cho đến nay nên đã được tính toán bồi thường 50% đơn giá đất ở đối với toàn bộ 161m² đất ở thu hồi và được giải quyết bố trí tái định cư 01 lô Liên kế E16 tại Khu quy hoạch dân cư- tái định cư P, Phường 10, thành phố Đà Lạt là đã thực hiện đúng theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 7 quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Phần diện tích 76m² tại thời điểm kiểm định không sử dụng vào mục đích đề ở, do đó không tính toán bồi thường theo đơn giá đất ở và xem xét, giải quyết bố trí tái định cư là đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về phần diện tích đất bố trí tái định cư chênh lệch so với diện tích đất ở bị thu hồi, theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Quyết định số 32 quy định: *“Đối với trường hợp được bố trí tái định cư bằng đất ở mà diện tích đất ở bố trí tái định cư nhỏ hơn diện tích đất ở thu hồi, thì phần diện tích chênh lệch được bồi thường với giá đất ở tại vị trí thu hồi nhân hệ số K điều chỉnh”*.

Đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi của gia đình ông K là 76m². Căn cứ văn bản số 262/UBND ngày 04-01-2011 của UBND tỉnh L về việc thống nhất nguyên tắc bố trí tái định cư tại dự án Khu dân cư- tái định cư P, Phường 10, thành phố Đ thì diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi phải từ 400m² đến dưới 1.000m² thì mới đủ điều kiện được xem xét bố trí 01 lô tái định cư liên kế theo cơ chế 02 giá.

Nhận thấy, về nội dung của Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành là đúng với tình trạng sử dụng đất của ông K, đúng với các quy định của pháp luật và Nghị quyết của tỉnh Lâm Đồng điều chỉnh lĩnh vực có liên quan nên là quyết định hành chính hợp pháp và có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Nguyễn Thiên K là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của ông K và bà T yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm vì đánh giá không khách quan, không xem xét đúng bản chất vụ án thấy rằng: tại phiên tòa phúc thẩm, ông K cũng chỉ trình bày quan điểm như đơn khởi kiện mà không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác so với giai đoạn xét xử sơ thẩm. Như nhận định trên của Hội đồng xét xử, Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về giải quyết khiếu nại lần đầu và văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đà Lạt đã được ban hành là có căn cứ và hợp pháp. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Kim, bà Thuần phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Nguyễn Thiên Kim và bà Nguyễn Thị Diệu Thuần, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; Điều 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158; Điều 191; Điều 348; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính; Luật đất đai 2003; Điều 24 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 31 của Luật khiếu nại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Nguyễn Thiên K về yêu cầu hủy văn bản số 4406/UBND ngày 14-8-2019 của UBND thành phố Đà Lạt và hủy Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 05-3-2020 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Hà Nguyễn Thiên K.

2. Về án phí:

Ông Hà Nguyễn Thiên K và bà Nguyễn Thị Diệu T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003036 và 0003037 ngày 14/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng thành án phíphúc thẩm.

Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VT.

Nguyễn Thị Thụy Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh

Nguyễn Đắc Minh

Nguyễn Thị Thụy Vũ